TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH K**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HS-ST
Ngày: 21 - 3 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Bảo Ngân
Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Lững
Ông Nguyễn Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh K tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh K mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Tống Tiến L (tên gọi khác: Bánh Bò) – sinh năm 1988 tại K; Nơi cư trú: Tổ dân phố P3, Thị trấn D, huyện D, tỉnh K; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: không biết chữ; con ông Tống S (chết) và bà Dương Thị V (sinh năm 1952); vợ, con: không; tiền án: Ngày 13/4/2014, bị Tòa án nhân dân huyện D xử phạt 01 (một) năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" tại Bản án số 18/2014/HSST; chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2015, chưa thi hành nghĩa vụ đóng án phí; tiền sự: Không; nhân thân; Ngày 23/12/2022, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D khởi tố về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/12/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện D, có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại*: Bà Nguyễn Thụy PH T – sinh năm 2002 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ 1, Thị trấn D, huyện D, tỉnh K.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Huỳnh Thị Mỹ H – sinh năm 1978 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố P1, Thị trấn D, huyện D, tỉnh K.

* *Người làm chứng:* Bà Trần Thị Kim T – sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: TC, NG, thị xã N, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tống Tiến L là đối tượng không có nghề nghiệp, thường xuyên sử dụng ma túy. Khoảng 11 giờ 30 ngày 18/9/2022, Lực đi bộ quanh khu vực tổ dân phố

Phú Lộc Tây 4, thị trấn D tìm tài sản để trộm cắp thì phát hiện xe mô tô BKS 79H1-15705 do Nguyễn Thụy PH T sử dụng đang dựng trước quán "Bò né Cô H", trên xe cắm sẵn chìa khóa, xung quanh không có người trông coi. Lực đến lấy xe, khởi động và điều khiển xe đi. Trên đường, Lực dừng lại đổ xăng thì phát hiện trong cốp xe có 01 túi xách, bên trong túi có tiền. Lực không đếm mà lấy hết số tiền này, ném bỏ túi xách rồi điều khiển xe đến khu vực lầu 7 thành phố N, K mua 07 tép ma túy của một người thanh niên (không xác định nhân thân, lý lịch) hết 1.700.000 đồng để sử dụng. Sau đó, Lực sử dụng xe mô tô BKS 79H1-15705 đi về nhà tại thị trấn D, huyện D. Số tiền còn lại, Lực tiêu xài cá nhân. Sau khi phát hiện bị mất xe, chị T trình báo Công an thị trấn D. Qua trích xuất camera của các hộ dân ven đường, đã xác định đối tượng trộm cắp xe moto của bà T là Tống Tiến L. Khoảng 20 giờ cùng ngày, Công an Thị trấn Dđến nhà bị cáo yêu cầu bị cáo về trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện D, Tống Tiến L đã khai nhận hành vi phạm tội và giao nộp xe mô tô BKS 79H1-15705, cùng số tiền 780.000 đồng, là số tiền trộm cắp được, chưa sử dụng hết. Nguyễn Thụy PH T khai bên trong cốp xe mô tô BKS 79H1-15705 vào ngày 18/9/2022 có tổng số tiền 4.120.000 đồng, bà T đã nhận lại số tiền 780.000 đồng và tiếp tục yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.340.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 48/KL-HĐĐGTS, ngày 19/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D kết luận: Xe môtô BKS 79H1-15705 và túi xách của Nguyễn Thụy PH T có giá trị 16.040.000đ (Mười sáu triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Bản cáo trạng số 08/CT-VKSDK ngày 08/02/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố bị cáo Tống TiếnLvề tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như nội dung cáo trạng nêu trên; đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáoLtừ 18 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/12/2022. Về vật chứng vụ án: Số tiền 780.000 đồng và 01 xe mô tô BKS 79H1-15705 đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp nên không xem xét. Về trách nhiệm dân sự: bị hại yêu cầu bồi thường số tiền 3.340.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại nên cần ghi nhận. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Tống Tiến L đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung truy tố của Viện kiểm sát, thống nhất với bản luận tội, đồng ý bồi thường số tiền 3.340.000 đồng cho bị hại và đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật đúng với hành vi phạm tội xủa bị cáo. Bị hại đề nghị bị cáo bồi thường số tiền 3.340.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố liên quan đến việc giải quyết vụ án trên, Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong hồ sơ, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó căn cứ vào các điều 292 và 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai cuả bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: Vào ngày 18/9/2022 tại tổ dân phố P4, Thị trấn D, vì cần tiền tiêu xài, bị cáo Tống TiếnLđã lợi dụng sự sơ hở của bà Nguyễn Thụy PH T, lén lút trộm cắp xe mô tô BKS 79H1-15705 trị giá 16.000.000 đồng, bên trong cốp xe có số tiền 4.120.000 đồng và 01 túi xách trị giá 40.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trộm cắp được là 20.160.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố bị cáo Tống TiếnLvề tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an tại địa pH. Bị cáoLlà đối tượng nghiện ma túy và đã từng bị xét xử về tội "Cưỡng đoạt tài sản", chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Mặt khác, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản vào ngày 12/10/2022, đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dkhởi tố vào ngày 23/12/2022 và Viện kiểm sát nhân dân huyện Dtruy tố ngày 07/3/2023, điều này chứng tỏ thái độ bất chấp, xem thường pháp luật của bị cáo. Do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ngoài xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung tội phạm.

Tuy nhiên, trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại 780.000 đồng và tiếp tục yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.340.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại.

[6] Về vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã trả lại cho bà Nguyễn Thụy PH T các tài sản gồm: 01 xe mô tô biển kiểm soát 79H1-157.05 số khung DB10CY074635, số máy 1DB1-074648 (đã qua sử dụng) và số tiền 780.000đ (Bảy trăm tám mươi nghìn đồng) là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào các điều 136; 292; 293; 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt bị cáo Tống Tiến L (Bánh Bò) 02 (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/12/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại: Buộc bị cáo Tống Tiến L có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 3.340.000đ (Ba triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

3. Về án phí: Bị cáo Tống Tiến L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh K;
- Sở Tư pháp tỉnh K;
- VKSND tỉnh K;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Bị cáo; người tham gia tố tung khác;
- Lưu: Hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Bảo Ngân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh K;
- Sở Tư pháp tỉnh K;
- VKSND tỉnh K;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Bị cáo; người tham gia tố tung khác;
- Lưu: Hồ sơ.